

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST

Ngày: 06-7-2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Hoàng Vũ;

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-DS, ngày 30/01/2018, “V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 204/2018/QĐST-DS ngày 14/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Khổng K.H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 04, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Khổng K.H là: Ông Nguyễn N.A, sinh năm 1956. Địa chỉ: 291/2, ấp L.K, xã L.H, huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp.(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018).

2. Bị đơn: Nguyễn V.Đ, sinh năm: 1962;

Nguyễn Thị K.Đ, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Số nhà 365/3 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2018, Biên bản hòa giải ngày 12/3/2018, ngày 02/4/2018 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

Khổng K.H là Nguyễn N.A trình bày: Trước đây vào năm 2015 ông H và ông Đ có giao dịch mua bán ớt trái, bên anh H chuyên thu mua ớt trái loại lớn và anh Đ thu mua ớt trái loại nhỏ. Hai bên giao dịch trao đổi với nhau và thanh toán tiền đúng như thỏa thuận, không có làm hợp đồng chỉ có sổ ghi chép lại. Anh H ghi những loại hàng mà anh Đ giao cho anh H và ngược lại anh Đ ghi những loại hàng ớt do anh H giao. Hai bên thanh toán đầy đủ nhưng sau đó anh H và anh Đ ngồi lại chốt sổ ngày 29/3/2017 đến ngày 03/7/2017 thì anh Đ còn nợ lại 91.640.000 đồng. Sau đó anh H về chốt lại thì anh Đ còn nợ lại 94.640.000 đồng (lý do chênh lệch là do đợt giao hàng ngày 26/4/2017 tính đúng là $874 \times 3,8 = 3.321$). Khi anh H tính toán có sự chênh lệch 3.321.000 đồng anh H có báo cho anh Đ biết. Sau đó vào ngày 09/8/2017 ông Đ trả được 15.000.000 đồng, ngày 15/10/2017 trả 8.000.000 đồng. Tổng cộng anh Đ trả được 23.000.000 đồng. Còn lại 71.665.000 đồng. Do thiếu vốn làm ăn nên anh H nhiều lần đến gặp anh Đ để yêu cầu trả vốn mua bán nhưng anh Đ không thực hiện. Việc mua bán giữa anh Đ và anh H bà Đ là vợ ông Đ có biết, những lần giao hàng không gặp anh Đ thì bà Đ là người nhận hàng, khi anh H đến gặp để thỏa thuận việc trả tiền thì bà Đ có nói sau khi lấy được tiền sẽ thanh toán cho anh H. Do đó, ông Khổng Kim Hoàn yêu cầu ông Nguyễn V.Đ bà Nguyễn Thị K.Đ. trả cho anh Khổng K.H vốn mua bán thức ăn là 71.665.000 đồng, lãi 10%/năm tính từ ngày 16/10/2017 đến ngày 16/06/2018) là 4.777.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 76.442.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2018, ngày 02/4/2018 bị đơn Nguyễn V.Đ trình bày: Ông Đ thừa nhận có giao dịch mua bán ớt trái như đại diện ủy quyền cho ông H trình bày. Ông Đ thừa nhận còn thiếu ông H số tiền 71.665.000 đồng. Nhưng từ ngày 04/7/2017 đến 17/7/2017 ông H đã nhận của ông Đ tổng cộng 551kg ớt trái có lớn có nhỏ tổng thành tiền là 13.137.000 đồng nhưng ông Đ không yêu cầu trừ vào tiền còn thiếu ông H là 71.665.000 đồng. Ông Đ đồng ý trả vốn 71.665.000 đồng khi nào ông Đ lấy được tiền của người thứ ba là cô Th xong thì ông Đ sẽ trả vì ông Đ cho rằng khi ông H và Đ giao dịch thì giao dịch chung với cô Th. Còn tiền lãi thì ông Đ không đồng ý trả. Việc giao dịch mua bán ớt trái này chỉ có ông Đ và ghi sổ sách còn bà Đ không có tham gia mua bán. Lời trình bày và thừa nhận nợ của ông Đ được thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2018 ông Đ công nhận biên bản ghi lời trình bày của anh Đ là đúng nhưng ông Đ không đồng ý ký tên mà bỏ về.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị K.Đ kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử hôm này, Tòa án triệu tập họp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Nguyễn Thị K.Đ vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn Khổng K.H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về xét xử vắng mặt: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bị đơn Nguyễn Thị K.Đ đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Thị K.Đ vẫn có tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Khổng K.H. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị K.Đ. là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về xác định quan hệ tranh chấp: Anh Đ và anh H là cá nhân mua bán ớt trái. Hai bên giao dịch mua bán với nhau và anh Đ còn thiếu lại tiền anh H, việc thiếu nợ được các bên ghi nhận vào sổ ghi chép nợ từ ngày 29/3/2017 đến ngày 03/7/2017 có chữ ký của anh Đ và được anh Đ thừa nhận. Từ đó có đủ căn cứ để xác định anh Hoàn khởi kiện yêu cầu anh Đền, bà Đắc trả số tiền mua bán ớt trái và lãi suất theo quy định pháp luật là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hợp đồng mua bán ớt trái giữa anh H và anh Đ mặc dù các bên không làm hợp đồng nhưng các bên có thỏa thuận miệng, anh Đ thừa nhận có giao dịch giữa anh H và anh Đ và có đối chiếu số lượng, thời gian và số tiền, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp và có giá trị thi hành đối với các bên.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn ông Nguyễn N.A trình bày: Theo như sổ chốt nợ ngày 29/3/2017 đến ngày 03/7/2017 anh Đ còn nợ lại anh H 91.640.000 đồng đã trả được 23.000.000 đồng. Đây là chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ông Đ cũng thừa nhận theo sổ chốt sổ nợ này, ông Đ thừa nhận còn nợ lại ông H 71.665.000 đồng phát sinh từ việc hai bên mua bán ớt trái. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chỉ có một mình anh Đ đến Tòa án để tham gia hòa giải, còn bà Đ không đến để trình bày ý kiến của mình. Tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2018 anh Đ đã thừa nhận còn thiếu lại anh H 71.665.000 đồng, anh Đ đồng ý trả khi nào lấy được tiền từ việc bán ớt trái với bên thứ ba. Còn lãi thì anh Đ không đồng ý trả. Thừa nhận nợ của anh Đ được thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2018 nhưng anh Đ bỏ về không đồng ý ký tên. Thế nhưng, sau đó Tòa án đã thông báo cho ông Đ, bà Đ biết về các tài liệu, chứng cứ mà ông H đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có các chứng cứ ông H nộp là chứng cứ theo yêu cầu của ông H thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn theo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà Đ vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối đối với chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Điều này, chứng tỏ rằng bà Đ đã không phản đối đối với chứng cứ mà ông H đã giao nộp cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa qua lời trình bày của nguyên đơn bị đơn thì việc anh Đ mua bán ớt trái với nhau cũng nhằm phục vụ nhu cầu cho gia đình. Mặc dù bà Đ không có ký tên vào sổ chốt sổ ghi nhận nợ nhưng thời điểm này bà Đ và anh Đ vẫn là vợ chồng và chưa sống ly thân cho nên cần buộc anh Đ bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên anh Đ, bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho anh H theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, cụ thể tại khoản 1 Điều 438 quy định “.....”. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận.

Về thời điểm anh Đ, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa anh H xác định thời điểm tính lãi từ ngày 16/10/2017 đến ngày 16/6/2018. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Đ, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài nghĩa vụ phải trả số tiền gốc còn phải chịu ,lãi suất theo quy định. Tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định : “...” Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Đối với số tiền 13.137.000 đồng bên anh H còn thiếu lại anh Đ nhưng anh Đ không yêu cầu phản tố để trừ vào tiền anh Đ thiếu anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, cho nên bị đơn Nguyễn VĐ, Nguyễn Thị K.Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 280,281, 282, 290, 305, 430, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Khổng K.H yêu cầu Nguyễn V. Đ, Nguyễn Thị K.Đ trả tiền mua bán 71.665.000 đồng, lãi 4.777.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 76.442.000 đồng.

Buộc Nguyễn V.Đ, Nguyễn Thị K.Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho K.K.H vốn mua bán là 71.665.000 đồng, lãi 4.777.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 442.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Đ, bà Đ phải chịu 3.822.100 đồng (Ba triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Khổng KH1.796.125 đồng (Một triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001079, ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 06/7/2018. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/7/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L.V
- Chi cục THADS huyện L.V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lu